

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~2347~~ /LĐT BXH-VPQGNN

Hà Nội, ngày ~~26~~ tháng 6 năm 2023

V/v xây dựng kế hoạch đầu tư công
năm 2024 thực hiện Chương trình
MTQG giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Công văn số 4460/BKHĐT-TH ngày 13/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, tổng hợp) xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là Chương trình) như sau:

1. Nguyên tắc

a) Xây dựng kế hoạch đầu tư công thực hiện Chương trình năm 2024 trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án và nội dung hoạt động của Chương trình 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện cả năm 2023 theo tình hình thực tế của địa phương.

b) Đề xuất kinh phí năm 2024 thực hiện Chương trình phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định liên quan; phù hợp khả năng bố trí vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương (nguồn vốn sự nghiệp, nguồn vốn đầu tư phát triển theo Quyết số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2024-2025 của Chương trình), khả năng bố trí vốn từ ngân sách địa phương và huy động nguồn lực khác. Trong đó, đối tượng phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương năm 2024 cho các địa phương như sau:

- Các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

- 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

- Các tỉnh chưa tự cân đối ngân sách và tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam (riêng đối với tỉnh Khánh Hòa hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và duy tu bảo dưỡng các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo).

Số liệu đầu vào để phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo các tiêu chí quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Nội dung Kế hoạch

(Chi tiết theo đề cương và các Phụ lục, biểu mẫu kèm theo Công văn này).

3. Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình của địa phương đề nghị gửi về cơ quan chủ Chương trình: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo, địa chỉ: số 35 Trần Phú, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, thư điện tử: giamngheo@molisa.gov.vn) trước ngày 20/7/2023 để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Bộ: KHĐT, TC (để phối hợp);
- Sở LĐTBXH các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ: Vụ KHTC, Tổng cục GDNN, Cục VL, Cục QLLĐNN;
- Lưu: VT, VPQGGN (03b).



Lê Văn Thanh

(Thông tin chi tiết liên hệ Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo: đ/c Phạm Hồng Đào, ĐT: 02437478677; đ/c Nguyễn Tấn Nhựt ĐT: 0912001009 hoặc 02437478677)

Phụ lục
ĐỀ CƯƠNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 THỰC HIỆN CTMTQG
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Công văn số 234/LĐTBXH-VPQGGN ngày 26 tháng 6 năm 2023
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, KHẢ NĂNG THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2023

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

Kết quả xây dựng, ban hành, trình ban hành các cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình theo thẩm quyền của địa phương.

II. Kết quả phân bổ, sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình

Tình hình phân bổ, sử dụng vốn ngân sách trung ương; vốn đối ứng của ngân sách địa phương (trong đó bao gồm cả việc chấp hành quy định về bố trí vốn đối ứng); huy động khác.

1. Ngân sách trung ương: kết quả phân bổ, kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện cả năm.

2. Ngân sách địa phương: kết quả phân bổ, kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện cả năm.

3. Huy động khác: kết quả phân bổ, kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện cả năm.

III. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình

1. Mục tiêu chung.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể.

IV. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn (ĐBK) vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã ĐBK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Tổng số công trình được đầu tư trong đó: đầu tư mới, công trình chuyên tiếp, công trình duy tu bảo dưỡng (phân loại công trình đầu tư, quy mô công trình, với mỗi công trình đầu tư ghi rõ đối tượng hưởng lợi theo tổng số, số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số).

b) Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tổng số công trình được đầu tư trong đó: đầu tư mới, công trình chuyển tiếp, công trình duy tu bảo dưỡng (phân loại công trình đầu tư, quy mô công trình, với mỗi công trình đầu tư ghi rõ đối tượng hưởng lợi theo tổng số, số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số).

2. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Tổng số mô hình giảm nghèo hoặc dự án phát triển sản xuất được hỗ trợ (phân loại mô hình giảm nghèo hoặc dự án phát triển sản xuất theo loại hình nông, lâm, ngư nghiệp và phi nông nghiệp; ngành nghề dịch vụ; khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh; quy mô mô hình hoặc dự án giảm nghèo, với mỗi mô hình hoặc dự án giảm nghèo ghi rõ đối tượng hưởng lợi theo tổng số, số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số), có gắn với quy hoạch phát triển sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu; dự kiến số hộ thoát nghèo, tỷ lệ.

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiêu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Tổng số mô hình hoặc dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; quy mô mô hình hoặc dự án giảm nghèo phát triển sản xuất, với mỗi mô hình hoặc dự án giảm nghèo ghi rõ đối tượng hưởng lợi theo tổng số: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong đó: hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo), có gắn với quy hoạch phát triển sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu; dự kiến số hộ thoát nghèo, tỷ lệ.

b) Tiêu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng

- Kết quả hoạt động tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn: Số trẻ dưới 5 tuổi được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng, số bà mẹ có con dưới 5 tuổi và bà mẹ mang thai được tư vấn dinh dưỡng, số phụ nữ có thai được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng, số trẻ được theo dõi và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng.

- Kết quả hoạt động tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ trên 5 đến dưới 16 tuổi): Số trẻ được tư vấn dinh dưỡng, số trẻ suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.

4. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiêu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo:

+ Tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ xây dựng, mua sắm thiết bị, phương tiện đào tạo, sửa chữa, cơ sở vật chất từ nguồn vốn đầu tư phát triển.

+ Tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ mua sắm thiết bị, phương tiện đào tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất từ nguồn vốn sự nghiệp.

- Xây dựng các chuẩn (gồm: Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; quy định giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp:

+ Tổng số từng chuẩn được xây dựng;

+ Kết quả thực hiện việc phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

+ Kết quả thực hiện việc phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

+ Kết quả thực hiện việc phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu, tài nguyên học liệu.

+ Kết quả thực hiện việc phát triển, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.

- Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm:

+ Tổng số cuộc điều tra, khảo sát; hình thức, kết quả của điều tra, khảo sát...

+ Kết quả, phương thức truyền thông, hướng nghiệp.

+ Kết quả thực hiện hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm....

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo:

Tổng số mô hình triển khai, thực hiện. Đánh giá kết quả...

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp"

+ Tổng số người được đào tạo so với nhu cầu (chia từng đối tượng cụ thể);

+ Đánh giá hiệu quả sau đào tạo.

b) Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Số người được hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và các thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài, trong đó: số lao động xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ghi rõ đối tượng hưởng lợi theo tổng số, số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số).

- Số cán bộ, tuyên truyền viên cơ sở được tập huấn nâng cao năng lực.

- Số lượt người lao động/gia đình người lao động được tư vấn giới thiệu việc làm sau khi về nước (ghi rõ đối tượng hưởng lợi theo tổng số, số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số).

c) Tiêu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

Số máy móc, trang thiết bị được đầu tư nâng cấp phục vụ lưu trữ, xử lý, cung cấp thông tin thị trường lao động và giao dịch việc làm trực tuyến và vận hành hệ thống quản lý lao động điện tử.

Số phần mềm, ứng dụng được xây dựng phục vụ thu thập, phân tích, phổ biến thông tin thị trường lao động, dự báo thị trường lao động, quản lý lao động.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc

Số người sử dụng lao động có nhu cầu tìm lao động được thu thập, cập nhật thông tin (ghi rõ đối tượng được thu thập, cập nhật như doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ...).

Số người có nhu cầu tìm việc được thu thập, cập nhật thông tin (ghi rõ đối tượng được thụ hưởng theo tổng số, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; huyện nghèo; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đối tượng là nữ giới).

- Hỗ trợ giao dịch việc làm

Số phiên giao dịch việc làm/ ngày hội việc làm đã được tổ chức thực hiện, trong đó nêu rõ số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cơ sở đào tạo tham gia và số lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm (ghi rõ đối tượng được thụ hưởng theo tổng số, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; huyện nghèo; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đối tượng là nữ giới).

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư

Số lao động được thu thập, cập nhật thông tin trên hệ thống phần mềm quản lý lao động (ghi rõ đối tượng được thụ hưởng theo tổng số, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; huyện nghèo; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đối tượng là nữ giới).

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động

Số cuộc khảo sát/điều tra thu thập thông tin thị trường lao động.

Số ấn phẩm phân tích/dự báo thị trường lao động được phổ biến, phát hành.

- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công

Số lao động được hỗ trợ kết nối việc làm thành công (có giao kết hợp đồng lao động) trong đó ghi rõ lao động thuộc đối tượng (hộ nghèo/hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; huyện nghèo; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đối tượng là nữ giới).

5. Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở (bao nhiêu hộ được hỗ trợ xây mới, bao nhiêu hộ được hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp nhà ở); tổng số hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở (bao nhiêu hộ được hỗ trợ xây mới, bao nhiêu hộ được hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp nhà ở) đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m². “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

6. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin

- Số cán bộ thông tin và truyền thông được nâng cao năng lực.

- Số cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới được thiết lập.

- Số điểm cung cấp dịch bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo cung cấp dịch vụ thông tin công cộng.

- Số cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội được tăng cường. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cho khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để góp phần tạo đồng thuận xã hội, nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu thoát nghèo bền vững và phục vụ có hiệu quả công tác quản lý, điều hành của chính quyền cấp xã.

- Số xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo được tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội.

b) Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Số cơ quan báo chí, xuất bản được hỗ trợ tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”; biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương (số cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo được khen thưởng).

- Tổ chức xây dựng và thực hiện các sản phẩm truyền thông về giảm nghèo (phóng sự, tọa đàm, đối thoại, Pa nô, áp phích, tờ rơi, hình thức khác...) định hướng cho người dân tiếp cận, thụ hưởng Chương trình, dịch vụ xã hội cơ bản về dạy nghề, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

- Xây dựng và phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo các cấp: (số lớp và số người tham dự).

- Xây dựng trang tin điện tử về giảm nghèo hoặc ký hợp đồng đưa tin trên trang điện tử.

- Tổ chức đối thoại chính sách (số cuộc đối thoại theo từng cấp, số đối tượng hưởng lợi tham gia đối thoại theo tổng số, số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số).

7. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo: Số lớp tập huấn và số lượt cán bộ được tập huấn (trong đó ghi rõ tổng số lượt, số lượt cán bộ theo các cấp, số lượt cán bộ nữ, số lượt cán bộ dân tộc thiểu số).

- Tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước: Số lượt và số cán bộ tham dự (trong đó ghi rõ tổng số lượt, số lượt cán bộ theo các cấp, số lượt cán bộ nữ, số lượt cán bộ dân tộc thiểu số).

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Hoạt động giám sát, đánh giá: Số lần (đoàn) giám sát, đánh giá cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Tình hình triển khai các hướng dẫn về giám sát, đánh giá.

- Thực hiện xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu giảm nghèo: điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; cập nhật dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo

V. **Đánh giá chung** (mặt được, hạn chế và nguyên nhân)

B. **KẾ HOẠCH NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

I. Bối cảnh xây dựng kế hoạch năm 2024 (*phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, thách thức trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững*)

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát
2. Mục tiêu cụ thể
3. Kết quả chủ yếu

III. Nội dung hoạt động và đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

- a) *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo*

b) *Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.*

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*

b) *Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*

b) *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*

c) *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) *Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*

b) *Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

a) *Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*

b) *Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

Lưu ý: Các dự án, tiểu dự đề xuất kế hoạch năm 2024 cần làm rõ các nội dung: Mục tiêu; đối tượng thụ hưởng; nội dung hoạt động; kết quả đầu ra; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn; vốn và nguồn vốn.

Đối với vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: tỷ đồng, vốn sự nghiệp: tỷ đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: tỷ đồng (ghi rõ nguồn huy động).

IV. Giải pháp chủ yếu (*Hoàn thiện thể chế, cơ chế đặc thù và các giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình*)

V. Tổ chức thực hiện.

Biểu số I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
GIẢI ĐOẠN 2021-2023 VÀ ĐỀ XUẤT NĂM 2024

STT	Chương trình	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao (Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)	Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025				
				2021	2022	2023		Đề xuất năm 2024
						6 tháng đầu năm	Ước cả năm 2023	
I	MỤC TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 24/2021/QH15 CỦA QUỐC HỘI							
1	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm hằng năm	%/năm						
2	Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm hằng năm	%/năm						
3	Tỷ lệ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	%						
4	Tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn	%						
II	MỤC TIÊU THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 90/QĐ-TTG NGÀY 18/01/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ							
1	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm hằng năm	%/năm						
2	Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm hằng năm	%/năm						
3	Tỷ lệ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	%						
4	Tỷ lệ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	%						
5	Tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn	%						
6	Giảm số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia							
a)	Số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đầu năm báo cáo	Hộ						
b)	Số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều cuối năm báo cáo	Hộ						
c)	Tỷ lệ giảm số hộ nghèo giữa đầu kỳ so với cuối kỳ báo cáo	%						
d)	Số hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đầu năm báo cáo	Hộ						
d)	Số hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều cuối năm báo cáo	Hộ						
e)	Tỷ lệ giảm số hộ cận nghèo giữa đầu kỳ so với cuối kỳ báo cáo	%						
7	Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển cơ sở hạ tầng							
a)	Tỷ lệ huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng	%						
b)	Tỷ lệ xã DBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng	%						
8	Mục tiêu, chỉ tiêu hỗ trợ phát triển sản xuất							
a)	Số mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã DBKK bãi ngang, ven biển và hải đảo	Mô hình, dự án						
b)	Tỷ lệ người thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo, xã DBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất	%						
9	Mục tiêu, chỉ tiêu về đào tạo, nâng cao năng lực							
	Tỷ lệ cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn	%						
10	Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản							

Biểu số 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
GIẢI ĐOẠN 2021-2023 VÀ ĐỀ XUẤT NĂM 2024

STT	Chương trình	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao (Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)	Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025				
				2021	2022	2023		Đề xuất năm 2024
						6 tháng đầu năm	Ước cả năm 2023	
a)	Chiều thiếu hụt về việc làm:							
(1)	Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm	%						
(2)	Số người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công	Người						
(3)	Số người lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đào tạo	Người						
	Trong đó: Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người						
(4)	Số người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.	Người						
b)	Chiều thiếu hụt về y tế:							
(1)	Tỷ lệ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế	%						
(2)	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	%						
c)	Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:							
(1)	Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi	%						
(2)	Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo	%						
	Trong đó: Tỷ lệ được cấp chứng chỉ	%						
(3)	Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp	%						
d)	Chiều thiếu hụt về nhà ở:							
	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở	Hộ						
đ)	Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh:							
(1)	Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%						
(2)	Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	%						
e)	Chiều thiếu hụt về thông tin:							
(1)	Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, in-tơ-nét	%						
(2)	Tỷ lệ các hộ gia đình sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững	%						

Biểu số II
KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 CHUYỂN SANG
NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách Trung ương							
		KH vốn năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTP năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023		
		ĐTP	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm
	Tổng cộng								
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo								
1.1	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</i>								
	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo								
	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo								
1.2	<i>Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 – 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</i>								
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo								
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng								
3.1	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</i>								
3.2	<i>Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng</i>								
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm								
4.1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>								
	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại vùng nghèo, vùng khó khăn								
	Hoạt động 2: Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội tại vùng nghèo, vùng khó khăn								
	Hoạt động 3: Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn								
	Hoạt động 4: Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.								

Biểu số II
KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 CHUYỂN SANG
NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách Trung ương							
		KH vốn năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTP năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023		
		DTPT	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm
	Hoạt động 5: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp								
4.2	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài								
4.3	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững								
	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các 5 huyện nghèo								
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin								
6.1	Tiêu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin								
6.2	Tiêu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo								
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình								
7.1	Tiêu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình								
7.2	Tiêu Dự án : Giám sát, đánh giá								

Biểu số II
KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 CHUYỂN SANG
NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách địa phương							
		KH vốn năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTP năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023		
		ĐTPT	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm
	Tổng cộng								
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo								
1.1	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</i>								
	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo								
	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo								
1.2	<i>Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 – 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</i>								
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo								
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng								
3.1	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</i>								
3.2	<i>Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng</i>								
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm								
4.1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>								
	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại vùng nghèo, vùng khó khăn								
	Hoạt động 2: Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội tại vùng nghèo, vùng khó khăn								
	Hoạt động 3: Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn								
	Hoạt động 4: Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.								

Biểu số II
KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 CHUYỂN SANG
NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách địa phương							
		KH vốn năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTP năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023		
		ĐTP	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm
	Hoạt động 5: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp								
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài								
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững								
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo								
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin								
6.1	Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin								
6.2	Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo								
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình								
7.1	Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình								
7.2	Tiểu Dự án : Giám sát, đánh giá								

BIỂU SỐ III
KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị: triệu đồng

		Ngân sách Trung ương							
STT	Dự án, hoạt động	Kế hoạch vốn năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTPT năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2023		
		ĐTPT	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm
	Tổng cộng								
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo								
1.1	<i>Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</i>								
	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo								
	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo								
1.2	<i>Tiêu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 – 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</i>								
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo								
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng								
3.1	<i>Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</i>								
3.2	<i>Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng</i>								
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm								
4.1	<i>Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>								
	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại vùng nghèo, vùng khó khăn								
	Hoạt động 2: Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội tại vùng nghèo, vùng khó khăn								
	Hoạt động 3: Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn								
	Hoạt động 4: Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.								
	Hoạt động 5: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp								

BIỂU SỐ III
KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách Trung ương							
		Kế hoạch vốn năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTPPT năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2023		
		ĐTPPT	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài								
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững								
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo								
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin								
6.1	Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin								
6.2	Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo								
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình								
7.1	Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình								
7.2	Tiểu Dự án : Giám sát, đánh giá								

BIỂU SỐ III
KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách địa phương								Huy động khác			
		Kế hoạch vốn năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTPT năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2023			Kế hoạch huy động	Kết quả giải ngân		
		ĐTPT	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm		Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm
	Tổng cộng												
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo												
1.1	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</i>												
	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo												
	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo												
1.2	<i>Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</i>												
	2 Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo												
	3 Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng												
3.1	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</i>												
3.2	<i>Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng</i>												
	4 Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm												
4.1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>												
	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại vùng nghèo, vùng khó khăn												
	Hoạt động 2: Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội tại vùng nghèo, vùng khó khăn												
	Hoạt động 3: Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn												
	Hoạt động 4: Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.												
	Hoạt động 5: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp												

BIỂU SỐ III
KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án, hoạt động	Ngân sách địa phương							Huy động khác				
		Kế hoạch vốn năm 2023		Kết quả giải ngân vốn ĐTPPT năm 2023			Kết quả giải ngân vốn SN năm 2023			Kế hoạch huy động	Kết quả giải ngân		
		ĐTPPT	SN	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm	Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm		Giải ngân 6 tháng đầu năm	Khả năng thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện cả năm
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài												
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững												
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo												
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin												
6.1	Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin												
6.2	Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo												
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình												
7.1	Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình												
7.2	Tiểu Dự án : Giám sát, đánh giá												

